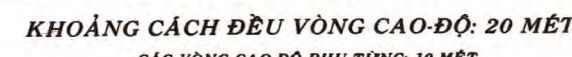




1:50,000



CREDITS

PREPARED BY **AMS (LU), U.S. ARMY, 1966**

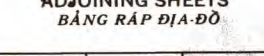
NAMES BY **NGS, VIETNAM**

CONTROL BY **USAMSFE, NGS, VIETNAM**

Reprintd by NIMA 11-00

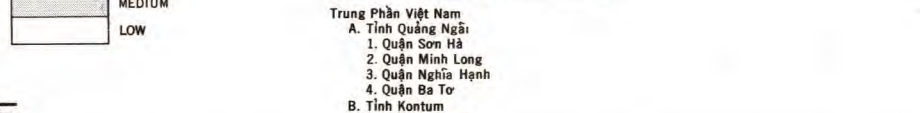
ATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHÁC-HỌA VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

Bán.....	village
Cam.....	village
Dak.....	stream
Đèo.....	mountain pass
Đông.....	mountain
Núi.....	mountain
Nước.....	stream
Ngọc.....	mountain
Plei.....	village
Sông, Suối.....	stream
Thành.....	village



6639 II	6739 III	6739 II
6638 I	6738 IV	6738 I
6638 II	6738 III	6738 II

		VIETNAMESE	ENGLISH	COMPARABLE	Sheet 6738 IV falls within 1501G, ND 49-5, 1:250,000.
	HIGHEST	Tiểu, Khu or Tỉnh.....	Province.....	State.....	
	HIGH	Quận.....	District.....	County.....	
		Xã or Làng.....	Village.....	Township.....	
		Ấp.....	Hamlet.....	Town.....	



GRID ZONE DESIGNATION MÃ KHU VỰC GRID TRONG KHU VỰC 49P	TO GIVE A STANDARD REFERENCE ON THIS SHEET TO NEAREST 100 METERS MẪU ĐỂ CHO VIỆC THAM KHẢO ĐẾN 100 M SAMPLE POINT: Δ 673	PHƯƠNG CHIẾN TÍNH TỌA ĐỘ TỔNG THAM KHẢO CHO MẪU ĐIỂM TRONG BẢN ĐỒ CHIỀU Δ 673
---	--	---

3323 3384	100.000 m SQUARE IDENTIFICATION CHỈ ĐỊNH 0 YUONG TĂNG 100.000 M	1. Read letters, identifying 100.000 - meter squares in which the point lies.	1. Đọc chữ chỉ định 0 yuong tăng 100.000 mét của các ô hình chữ nhật 100.000 mét.	BS	
	2. Locate first VERTICAL grid line to LEFT of point and read LARGE figures labeling the line either on the top or bottom-margine, or on the line itself. Estimate tenths from grid line to point.	2. Lấy đường 0 yuong tăng 00C đầu tiên ở phía TRÁI của điểm tọa độ 30 00C và đọc các số phía trên hay phía dưới biên ô, bên ô hay ngay trên đường 0 yuong tăng. Ước lượng phần thập phân nhỏ nhất của tọa độ		BS	54

3. Locate first HORIZONTAL and low BELOW point and read LEGAL figures, including the line either on the left or right margin, or on the line itself.

Estimate lengths from grid line to point:

Ignore the SMALLER figures of any grid number; read the larger figures. Estimate the last number.

1. Lấy điểm ở ngang và thấp dưới điểm đầu tiên và đọc các chữ số pháp định, bao gồm cả chữ số ở bên trái hoặc bên phải biên, hoặc trên đường kẻ.

Ước lượng khoảng cách từ đường kẻ đến điểm.

Bỏ các chữ số nhỏ của bất kỳ số lưới nào; đọc các chữ số lớn. Ước lượng chữ số cuối cùng.

the LARGER figure of the grid number: không tạo ra một chỉ định độ lệch không tạo ra một chỉ định không có số 0. Lưu ý các dấu hiệu và vị trí. Example: Th độ 	<table border="1"> <tr> <td>SAMPLE REFERENCE:</td> <td>tiểu độ</td> <td>B554846</td> </tr> <tr> <td>If reporting beyond 5° N or 5° S, E, W, prefix Grid Zone Designation, ex:</td> <td>tiểu phân tích các một độ-điểm cách xa quá 5°, Nam tọa 12° Đông, Tây, hay chỉ độ-điểm phân-điểm của nó.</td> <td>49P855484</td> </tr> </table>	SAMPLE REFERENCE:	tiểu độ	B554846	If reporting beyond 5° N or 5° S, E, W, prefix Grid Zone Designation, ex:	tiểu phân tích các một độ-điểm cách xa quá 5°, Nam tọa 12° Đông, Tây, hay chỉ độ-điểm phân-điểm của nó.	49P855484
SAMPLE REFERENCE:	tiểu độ	B554846					
If reporting beyond 5° N or 5° S, E, W, prefix Grid Zone Designation, ex:	tiểu phân tích các một độ-điểm cách xa quá 5°, Nam tọa 12° Đông, Tây, hay chỉ độ-điểm phân-điểm của nó.	49P855484					

BA TU, VIETNAM